

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01/7/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đông.

2. Bà Trần Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 358/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/ 2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị L (Đinh Thị Thu L), sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Tổ 6, ấp 4, xã T, huyện Đ.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2021, Bản tự khai ngày 13/01/2022, ngày 17/01/2022 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nguyên đơn chị Đinh Thị L (Đinh Thị Thu L) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 142 ngày 28/5/2012. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không chăm lo cho chị, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên dẫn đến bất đồng, tình cảm lạnh nhạt. Chị và anh H đã không còn chung sống từ năm 2019 đến nay. Nay chị nhận thấy cuộc sống vợ

chồng không hạnh phúc, tình cảm gia đình lạnh nhạt nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung tên là Nguyễn Gia B, sinh ngày 02/5/2013; Nguyễn Minh Kì, sinh ngày 02/5/2013 và Nguyễn Đình Thụy Cẩm V, sinh ngày 16/5/2016. Chị đồng ý giao 03 con chung cho anh H nuôi dưỡng, tạm thời chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với anh Nguyễn Văn H:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Văn H đều vắng mặt không có lý do, cũng không nộp văn bản nêu ý kiến về khởi kiện của chị L.

- Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và giao, tổng đạt văn bản tố tụng: Tòa án xác định và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh H đã xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Giao 03 con chung cho anh H nuôi dưỡng, tạm thời chị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị L được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh H và chị L được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Đinh Thị L (Đinh Thị Thu L) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn H được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị L, anh H.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Chị Đinh Thị L (Đinh Thị Thu L) khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về luật áp dụng: Chị Đinh Thị L (Đinh Thị Thu L) và anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28 tháng 5 năm 2012 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị L (Đinh Thị Thu L) và anh Nguyễn Văn H đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L: Chị L xin ly hôn với lý do vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Căn cứ Điều 18 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xét thấy chị L và anh H không còn sống chung với nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng. Anh H được Tòa án triệu tập để hòa giải đoàn tụ nhưng không đến hòa giải, điều này chứng tỏ anh H không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Nên có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng chị L thật sự mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, Chị L xin ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên chấp nhận.

Về con chung:

Chị L và anh H có 03 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 02/5/2013; Nguyễn Minh K, sinh ngày 02/5/2013 và Nguyễn Đình Thụy Cẩm V, sinh ngày 16/5/2016. Chị L đồng ý giao 03 con chung cho anh H nuôi dưỡng. Qua kết quả xác minh tại địa phương thể hiện, trong thời gian vợ chồng không chung sống với nhau thì anh H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung, các cháu đều phát triển bình thường, khỏe mạnh và được đi học, anh H có công việc, thu nhập ổn định và không vi phạm pháp luật. Tòa án cũng đã phối hợp với chính quyền địa phương để ghi nhận ý kiến con chung trên 7 tuổi nhưng không thực hiện được (bút lục 31, 32). Vì vậy, Hội đồng xét xử giao 03 con chung cho anh H nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển bình thường của các con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do anh H đã được triệu tập làm việc nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con.

Chị L có ý kiến là tạm thời chị không cấp dưỡng nuôi con, nên tạm thời chị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị L được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh H và chị L được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Đinh Thị L (Đinh Thị Thu L) phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 18, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị L (Đinh Thị Thu L). Chị Đinh Thị L (Đinh Thị Thu L) được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên là Nguyễn Gia B, sinh ngày 02/5/2013; Nguyễn Minh K, sinh ngày 02/5/2013 và Nguyễn Đình Thụy Cẩm V, sinh ngày 16/5/2016 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm thời chị Đinh Thị L (Đinh Thị Thu L) không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh H không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Chị Đinh Thị L (Đinh Thị Thu L) được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh Nguyễn Văn H và chị Đinh Thị L (Đinh Thị Thu L) được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3 Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị L (Đinh Thị Thu L) phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L đã nộp theo biên lai số 0003339 ngày 14/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được trừ vào số tiền án phí chị L phải chịu. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị L (Đinh Thị Thu L) và anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

Phan Thanh Hà